



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 35

Ngày 01 tháng 7 năm 2015

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | |
|---|----|
| 08-6-2015- Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ban hành chính sách hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu cho các Hợp tác xã nông nghiệp - dịch vụ thành lập mới trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2015 - 2020. | 3 |
| 08-6-2015- Quyết định số 27/2015/QĐ-UBND về thực hiện công tác cấp giấy phép và quản lý hoạt động bến khách ngang sông trên địa bàn Thành phố. | 10 |
| 08-6-2015- Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ban hành Quy trình phối hợp xử lý và giải quyết việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 12 |

- 11-6-2015- Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND bổ sung Điều c Khoản 1 Điều 3 Quyết định số 06/2013/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành bảng giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ các loại phương tiện vận tải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 30
- 11-6-2015- Chỉ thị số 10/2015/CT-UBND về tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự tại cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong tình hình mới. 32

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 03-6-2015- Quyết định số 2600/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản. 37
- 05-6-2015- Quyết định số 2646/QĐ-UBND về bãi bỏ các văn bản. 39
- 05-6-2015- Quyết định số 2647/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản. 41
- 10-6-2015- Quyết định số 2777/QĐ-UBND phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến 2025. 43

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2015/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành chính sách hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu
cho các Hợp tác xã nông nghiệp - dịch vụ thành lập mới
trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2015 - 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 435/TTr-SNN ngày 11 tháng 3 năm 2015 về ban hành Chính sách hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu cho các Hợp tác xã nông nghiệp - dịch vụ thành lập mới trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2015 - 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định chính sách hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu cho các

Hợp tác xã nông nghiệp - dịch vụ thành lập mới trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2015 - 2020.

2. Đối tượng áp dụng của quyết định này là các hợp tác xã đăng ký ngành nghề hoạt động thuộc những lĩnh vực sau đây:

a) Sản xuất nông nghiệp: Trồng trọt (rau, dưa hấu, nấm các loại, hoa - cây kiểng, hoa lài, cây ăn trái chuyên canh, cây thức ăn chăn nuôi và cây công nghiệp); chăn nuôi (bò sữa, bò thịt, heo, thỏ, trùn, đế); nuôi trồng thủy sản (tôm, cá, nghêu, sò, hào, vọp, cua, lươn, ếch, baba, cá cảnh); lâm nghiệp (ươm giống cây lâm nghiệp, cá sấu, trăn, rắn, nhím); diêm nghiệp và một số ngành nghề sản xuất nông nghiệp đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Ngành nghề nông thôn: Sản xuất tiểu, thủ công nghiệp ở nông thôn, gồm: chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, cơ khí nhỏ ở nông thôn; xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn. Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ. Xây dựng, vận tải trong nội bộ xã, liên xã.

c) Dịch vụ phục vụ nông nghiệp: Dịch vụ cung ứng vật tư, nguyên liệu đầu vào, giống cây - con; dịch vụ làm đất, bơm tưới; dịch vụ thú y, bảo vệ thực vật; dịch vụ tư vấn kỹ thuật; sơ chế biến và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp.

d) Dịch vụ phục vụ ngành nghề nông thôn: Dịch vụ cung ứng vật tư, nguyên liệu đầu vào, trang thiết bị sản xuất; dịch vụ tư vấn kỹ thuật, thiết kế mẫu mã sản phẩm; tiêu thụ sản phẩm.

đ) Dịch vụ tư vấn, thiết kế và thi công sân vườn; cung cấp bon sai; chăm sóc hoa - cây kiểng.

e) Dịch vụ du lịch sinh thái nhà vườn, nghỉ dưỡng.

g) Dịch vụ cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn.

h) Dịch vụ tín dụng nông thôn.

i) Các dịch vụ khác phục vụ sản xuất và đời sống dân cư nông thôn.

Điều 2. Điều kiện và thời gian áp dụng

1. Điều kiện áp dụng:

Các hợp tác xã được hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với các ngành nghề thuộc những lĩnh vực đã nêu trên.

b) Thời điểm đăng ký lần đầu ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của hợp tác xã được xem xét hỗ trợ là từ ngày 24 tháng 8 năm 2010 cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. Thời gian áp dụng:

Thời gian thực hiện thủ tục hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu theo Quyết định này được tính từ ngày Quyết định có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Điều 3. Nội dung chính sách hỗ trợ

1. Nội dung hỗ trợ:

Các hợp tác xã mới thành lập nhưng chưa đủ điều kiện để mua sắm các trang thiết bị cần thiết phục vụ thông tin liên lạc, hoạt động của bộ máy quản lý, điều hành tại văn phòng giao dịch như:

a) Bàn ghế ngồi làm việc, tủ đựng tài liệu, tủ trưng bày, giá đựng công văn, giá đựng tài liệu, bộ bàn ghế họp, tiếp khách;

b) Thiết bị văn phòng: máy vi tính để bàn, máy in, máy fax, máy photocopy, điện thoại cố định;

c) Trang thiết bị cho phòng họp, phòng hội trường: bàn ghế, thiết bị âm thanh, máy chiếu và các trang thiết bị khác;

d) Sửa chữa trụ sở.

2. Mức hỗ trợ:

a) Hợp tác xã được hỗ trợ nhiều nội dung nhưng tổng mức hỗ trợ không quá 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) cho một hợp tác xã.

b) Mỗi hợp tác xã chỉ được hưởng hỗ trợ một lần duy nhất trong toàn bộ quá trình hoạt động của hợp tác xã.

3. Điều kiện cam kết:

Hợp tác xã cam kết sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu đúng mục đích và công bố công khai với toàn thể thành viên hợp tác xã. Nếu hợp tác xã sử

dụng nguồn kinh phí hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu không đúng mục đích thì cơ quan có thẩm quyền cấp kinh phí có trách nhiệm thu hồi lại nguồn kinh phí đã cấp.

4. Thời gian thực hiện hỗ trợ:

Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

5. Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ:

Ủy ban nhân dân quận - huyện dự trù kinh phí thực hiện hỗ trợ và tổng hợp chung vào dự toán ngân sách năm để trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 4. Thủ tục hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu cho hợp tác xã thành lập mới

1. Các hợp tác xã có nhu cầu hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu, gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định tại Khoản 2 Điều này đến Ủy ban nhân dân quận - huyện nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính.

2. Thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Bản chính Bản Đăng ký hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu (theo mẫu);

b) Bản chính Bản kê cơ sở vật chất ban đầu cần hỗ trợ (nêu cụ thể tên các cơ sở vật chất ban đầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Quyết định này, số lượng và kinh phí cần hỗ trợ);

c) Bản sao (kèm bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của hợp tác xã, Ủy ban nhân dân quận - huyện tổ chức thẩm định hồ sơ và ban hành Quyết định phê duyệt hỗ trợ (nếu hợp tác xã đủ điều kiện để được hỗ trợ) hoặc văn bản không chấp thuận hỗ trợ (nếu hợp tác xã không đủ điều kiện để nhận hỗ trợ, nêu rõ lý do).

4. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành Quyết định phê duyệt hỗ trợ, Ủy ban nhân dân quận - huyện tiến hành thủ tục cấp phát một lần kinh phí hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu cho hợp tác xã.

5. Trong thời hạn 90 ngày làm việc, kể từ ngày được cấp phát kinh phí hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu, hợp tác xã có trách nhiệm gửi hóa đơn, chứng từ quyết toán cho Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các hợp tác xã có thời điểm đăng ký lần đầu ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh từ ngày 24 tháng 8 năm 2010 và đã được hỗ trợ theo Quyết định số 5259/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành chính sách hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu cho các Hợp tác xã nông nghiệp - dịch vụ thành lập mới trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2010 - 2015 thì được Ủy ban nhân dân quận - huyện xem xét, phê duyệt quyết định cấp bù phần kinh phí chênh lệch giữa mức kinh phí đã cấp với mức kinh phí được phê duyệt theo Quyết định này. Hồ sơ đề nghị cấp bù kinh phí chênh lệch thực hiện theo quy định tại Điều 4 của Quyết định này.

2. Các hợp tác xã có thời điểm đăng ký lần đầu ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh từ ngày 24 tháng 8 năm 2010 nhưng chưa được hỗ trợ theo Quyết định số 5259/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành chính sách hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu cho các Hợp tác xã nông nghiệp - dịch vụ thành lập mới trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2010 - 2015 thì tiến hành thủ tục theo quy định tại Điều 4 của Quyết định này.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính phân bổ kinh phí hàng năm từ ngân sách Thành phố cho Ủy ban nhân dân quận - huyện để thực hiện chính sách trên và hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận - huyện lập dự toán, quyết toán kinh phí hàng năm theo quy định.

2. Giao Ủy ban nhân dân các quận - huyện kiểm tra việc sử dụng kinh phí của các hợp tác xã để đảm bảo việc hỗ trợ đúng đối tượng, đúng mục đích. Định kỳ tổng hợp gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 5259/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành chính sách hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu cho các Hợp tác xã nông nghiệp - dịch vụ thành lập mới trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2010 - 2015.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ

tịch Liên minh Hợp tác xã Thành phố, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có sản xuất nông nghiệp và ngành nghề nông thôn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tất Thành Cang

Phụ lục
MẪU BẢN ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ CƠ SỞ VẬT CHẤT BAN ĐẦU
(Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

BẢN ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ CƠ SỞ VẬT CHẤT BAN ĐẦU

Kính gửi: Ủy ban nhân dân quận/huyện:.....

Họ tên (cá nhân hoặc đại diện tổ chức):.....chức vụ:

Tên Hợp tác xã:.....

Ngành nghề:

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Năm thành lập:

Sau khi nghiên cứu Quyết định số /2015/QĐ-UBND ngày tháng năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành chính sách hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu cho các hợp tác xã nông nghiệp - dịch vụ thành lập mới trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2015 - 2020.

Nay tôi đại diện Hợp tác xã..... làm đơn này kính trình Ủy ban nhân dân quận/huyện xem xét giải quyết cho Hợp tác xã được hỗ trợ theo Quyết định số /2015/QĐ-UBND ngày tháng năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (kèm bảng báo giá cơ sở vật chất có nhu cầu được nhận hỗ trợ).

Hợp tác xã..... cam kết sử dụng số tiền hỗ trợ đúng mục đích, quy định. Hợp tác xã hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu làm sai quy định./.

Đại diện Hợp tác xã
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2015/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về thực hiện công tác cấp giấy phép và quản lý hoạt động bến khách ngang sông trên địa bàn Thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 93/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông hàng hải, đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1977/TTr-SGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2015; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 1683/STP-VB ngày 13 tháng 4 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao Sở Giao thông vận tải:

1. Thực hiện việc cấp giấy phép hoạt động và cấp lại giấy phép hoạt động bến khách ngang sông trên địa bàn Thành phố theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

2. Tổ chức triển khai thực hiện Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải trên địa bàn Thành phố; phối hợp và thống nhất với Sở Giao thông vận tải các tỉnh có liên quan trong việc cấp giấy phép và quản lý hoạt động bến khách ngang sông nối liền Thành phố và các tỉnh.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân các quận - huyện:

1. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành quy định của pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa, các điều kiện an toàn hoạt động đối với bến khách ngang sông trên địa bàn.

2. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm như: bến không bảo đảm điều kiện an toàn; phương tiện thủy nội địa không đăng ký, đăng kiểm; không trang bị đủ dụng cụ cứu sinh; hành khách không mặc áo phao hoặc không cầm (đeo) dụng cụ nổi cá nhân khi tham gia giao thông theo quy định; người điều khiển phương tiện không có bằng, chứng chỉ chuyên môn theo quy định hoặc không có bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp, chở vượt quá số người quy định; không bố trí bảng niêm yết giá vé qua đò tại các bến khách ngang sông và các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 60/2011/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các sở - ban - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường - xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2015/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy trình phối hợp xử lý và giải quyết
việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo trên địa bàn
Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Tố cáo ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Tiếp công dân ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 38/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định một số biện pháp bảo đảm trật tự công cộng;

Căn cứ Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tố cáo;

Căn cứ Thông tư số 09/2005/TT-BCA ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Bộ Công an hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 38/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định một số biện pháp bảo đảm trật tự công cộng;

Xét ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 35/STP-VB ngày 03 tháng 01 năm 2014 và Công văn số 1302/STP-VB ngày 23 tháng 3 năm 2015 về thẩm định dự thảo Quy trình phối hợp xử lý và giải quyết việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra Thành phố tại Văn bản số 549/TTTP-P.6 ngày 26 tháng 5 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình phối hợp xử lý và giải quyết việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 95/2007/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy trình phối hợp phòng ngừa và xử lý những trường hợp khiếu nại, tố cáo đông người, vi phạm trật tự công cộng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY TRÌNH

**Phối hợp xử lý và giải quyết việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy trình này quy định nguyên tắc, trình tự thủ tục, phương thức, nội dung các bước phối hợp xử lý và giải quyết việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc phối hợp xử lý và giải quyết việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo.

2. Những người cùng khiếu nại, tố cáo.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Bảo đảm thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan trong giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2. Địa phương nơi phát sinh nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo chịu trách nhiệm giải quyết đầu tiên. Trường hợp vượt quá thẩm quyền thì báo cáo cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết.

3. Hoạt động phối hợp được quản lý chặt chẽ, tiến hành đúng theo quy định pháp luật; đề cao trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan nhà nước, các cơ quan, tổ chức

có liên quan; xử lý kịp thời, hiệu quả, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người khiếu nại, tố cáo và của người có quyền, nghĩa vụ liên quan.

4. Kết hợp đồng bộ các biện pháp vận động tuyên truyền, thuyết phục với biện pháp hành chính, biện pháp hình sự (khi có dấu hiệu của tội phạm); trong đó áp dụng biện pháp tuyên truyền, thuyết phục là chính; kiên quyết xử lý đối với những trường hợp người khiếu nại, tố cáo có hành vi cố tình vi phạm, không chấp hành yêu cầu của người thi hành công vụ hoặc có hành vi chống đối, gây rối trật tự công cộng.

Chương II

QUY TRÌNH PHỐI HỢP XỬ LÝ

Mục 1

TIẾP NHẬN, XỬ LÝ THÔNG TIN

Điều 4. Trách nhiệm của cán bộ tiếp công dân

Cán bộ tiếp công dân nơi nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo đang tập trung có trách nhiệm:

1. Xác định họ, tên, địa chỉ của từng người khiếu nại, tố cáo và xác định nội dung khiếu nại, tố cáo;

2. Nhận định vụ việc (cùng khiếu nại hoặc cùng tố cáo về một nội dung; nhiều người khiếu nại, tố cáo riêng lẻ);

3. Trường hợp nhiều người cùng khiếu nại hoặc cùng tố cáo về một nội dung thì hướng dẫn việc cử người đại diện để trình bày nội dung và thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định;

4. Trường hợp nhiều người khiếu nại, tố cáo riêng lẻ thì xem xét từng vụ việc và hướng dẫn xử lý theo thẩm quyền;

5. Hướng dẫn công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định;

6. Trường hợp người khiếu nại, tố cáo lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo để gây mất trật tự, gây rối tại trụ sở, nơi làm việc của cơ quan nhà nước thì vận động, giải thích, đồng thời thông báo cho cơ quan Công an biết để phối hợp xử lý theo quy định pháp luật và báo cáo lãnh đạo cơ quan để xin ý kiến chỉ đạo giải quyết.

Mục 2

NGƯỜI ĐẠI DIỆN KHIẾU NẠI, TỔ CÁO

Điều 5. Cử người đại diện

1. Khi nhiều người cùng khiếu nại hoặc cùng tố cáo về một nội dung thì phải cử người đại diện để trình bày nội dung khiếu nại hoặc tố cáo. Người đại diện là người khiếu nại hoặc người tố cáo.

2. Việc cử đại diện được thực hiện như sau:

- a) Trường hợp có từ 05 đến 10 người thì cử 01 hoặc 02 người đại diện;
- b) Trường hợp có trên 10 người thì cử 01 đến 05 người đại diện.

Điều 6. Văn bản cử người đại diện

1. Văn bản cử người đại diện phải có những nội dung sau:

- a) Ngày, tháng, năm;
- b) Họ, tên, địa chỉ của người đại diện và của những người khiếu nại, tố cáo;
- c) Nội dung, phạm vi được đại diện;
- d) Chữ ký hoặc điểm chỉ của những người khiếu nại, tố cáo;
- đ) Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của việc đại diện;
- e) Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

2. Văn bản cử người đại diện được lập ít nhất 02 bản; 01 bản nộp cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo; 01 bản người đại diện khiếu nại, tố cáo giữ.

Mục 3

TIẾP XÚC NHỮNG NGƯỜI CÙNG KHIẾU NẠI, TỔ CÁO

Điều 7. Việc tiếp đại diện những người cùng khiếu nại, tố cáo

1. Trước khi tiếp công dân:

- a) Khi cần thiết, cơ quan nơi đang có nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo đề nghị cơ quan, tổ chức có liên quan cử đại diện tham dự buổi tiếp công dân.
- b) Lập danh sách đại diện các cơ quan dự tiếp công dân.

c) Nắm bắt tình hình và nội dung cơ bản của vụ việc, các yêu cầu của người khiếu nại, tố cáo.

d) Người chủ trì tiếp công dân hội ý nhanh với đại diện các cơ quan, đoàn thể tham gia tiếp công dân về các nội dung có liên quan.

2. Trong buổi tiếp công dân:

a) Cán bộ tiếp công dân nêu lý do và nội dung buổi tiếp công dân; giới thiệu người chủ trì, thư ký ghi biên bản và thành phần tham dự; đọc nội quy tiếp công dân.

b) Người chủ trì tiếp công dân: Nêu mục đích và yêu cầu của buổi tiếp công dân, cách thức trao đổi và đề nghị công dân trình bày ý kiến.

c) Người đại diện khiếu nại, tố cáo trình bày ý kiến về nội dung khiếu nại, tố cáo.

d) Đại diện các cơ quan tham dự tiếp công dân phát biểu.

đ) Người chủ trì kết luận.

3. Sau khi tiếp công dân:

a) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp công dân, người chủ trì tiếp công dân ban hành Thông báo tiếp công dân. Trong thông báo phải ghi đầy đủ kết luận của người chủ trì.

b) Căn cứ thực tế tình hình và tính chất, nội dung vụ việc, việc xử lý khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định tại Chương IV của Quy trình này.

4. Thành phần dự tiếp công dân gồm: đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn nơi phát sinh khiếu nại, tố cáo; đại diện Ủy ban nhân dân quận, huyện nơi tập trung nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo; đại diện Tổ công tác phối hợp giải quyết khiếu nại, tố cáo cùng cấp và các ban ngành, đoàn thể có liên quan.

Mục 4

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC PHỐI HỢP XỬ LÝ NHIỀU NGƯỜI CÙNG KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 8. Trách nhiệm của Thủ trưởng các Sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện (sau đây gọi chung là cấp huyện)

Thủ trưởng các Sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm:

1. Thường xuyên chỉ đạo rà soát cơ sở pháp lý, củng cố hồ sơ các vụ việc khiếu nại, tố cáo gay gắt, kéo dài và quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan chức năng để thống nhất giải thích cho người khiếu nại, tố cáo.

2. Tăng cường tiếp xúc công dân nơi phát sinh nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người dân.

3. Vận động, giải thích để giải quyết dứt điểm các vụ việc, hạn chế tình trạng khiếu nại, tố cáo kéo dài, tụ tập đông người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 9. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với trường hợp nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo ở xã, phường, thị trấn

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Phân công cán bộ tiếp đại diện hoặc những người cùng khiếu nại, tố cáo để ghi nhận nội dung khiếu nại, tố cáo và hướng dẫn thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định của pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức thành viên trực tiếp tiếp xúc công dân trong trường hợp khiếu nại, tố cáo phức tạp.

c) Chỉ đạo Công an xã, phường, thị trấn giữ gìn trật tự công cộng nơi có người khiếu nại, tố cáo tập trung, xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

d) Thụ lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền.

2. Trưởng Công an xã, phường, thị trấn có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với lực lượng bảo vệ dân phố, dân phòng bảo đảm trật tự công cộng nơi người khiếu nại, tố cáo tập trung;

b) Xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Tổ công tác phối hợp giải quyết khiếu nại, tố cáo cấp huyện có trách nhiệm hỗ trợ tiếp xúc công dân trong trường hợp nội dung xử lý vượt quá thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 10. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với trường hợp nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo ở quận, huyện

1. Lãnh đạo phụ trách công tác tiếp xúc công dân có trách nhiệm:

a) Phân công cán bộ tiếp đại diện hoặc những người cùng khiếu nại, tố cáo để ghi nhận nội dung trình bày và hướng dẫn thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định của pháp luật;

b) Trực tiếp tiếp công dân khi cần thiết;

c) Đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp công dân trong trường hợp vụ việc phức tạp.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Trực tiếp hoặc cử người có trách nhiệm tiếp đại diện hoặc những người cùng khiếu nại, tố cáo để nghe trình bày nội dung khiếu nại, tố cáo;

b) Thụ lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền;

c) Chỉ đạo cơ quan được giao trách nhiệm xác minh nội dung khiếu nại, tố cáo khẩn trương có báo cáo và đề xuất hướng giải quyết;

d) Theo dõi, đôn đốc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền;

đ) Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu về vụ việc khiếu nại, tố cáo hoặc cử người có trách nhiệm tham gia tiếp xúc người khiếu nại, tố cáo.

3. Trưởng Công an quận, huyện có trách nhiệm:

a) Theo dõi, nắm tình hình để đề xuất cho cơ quan có thẩm quyền xử lý các tình huống phát sinh khi có nhiều người tập trung khiếu nại, tố cáo;

b) Đảm bảo an ninh, trật tự công cộng;

c) Xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm:

a) Cung cấp thông tin, tài liệu về vụ việc khiếu nại, tố cáo;

b) Tham gia việc tiếp xúc người khiếu nại, tố cáo khi có yêu cầu của người có thẩm quyền.

5. Tổ công tác phối hợp giải quyết khiếu nại, tố cáo của Thành phố có trách nhiệm hỗ trợ tiếp công dân trong trường hợp nội dung xử lý vượt quá thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 11. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành và các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với trường hợp nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo ở cấp Thành phố

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm:

a) Trực tiếp hoặc cử người có trách nhiệm tiếp đại diện hoặc những người cùng khiếu nại, tố cáo để nghe trình bày nội dung khiếu nại, tố cáo;

b) Chỉ đạo cơ quan được giao trách nhiệm xác minh nội dung khiếu nại, tố cáo khẩn trương có báo cáo và đề xuất hướng giải quyết; trên cơ sở đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có kết luận chỉ đạo giải quyết các nội dung khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định pháp luật;

c) Chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền và quy định pháp luật;

d) Yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan vụ việc khiếu nại, tố cáo theo đúng thời hạn.

2. Thủ trưởng các Sở - ngành nơi nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo đang tập trung có trách nhiệm:

a) Phân công cán bộ tiếp đại diện hoặc những người cùng khiếu nại, tố cáo để ghi nhận nội dung trình bày và hướng dẫn thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định của pháp luật;

b) Trực tiếp tiếp công dân khi cần thiết;

c) Tiếp nhận, xử lý giải quyết trong trường hợp vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền;

d) Hướng dẫn người khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết nếu vụ việc không thuộc thẩm quyền;

đ) Tiếp nhận và chuyển đơn tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

e) Phối hợp tiếp công dân khi có yêu cầu của người có thẩm quyền.

3. Lãnh đạo Văn phòng Tiếp công dân Thành phố có trách nhiệm:

a) Phân công cán bộ tiếp đại diện hoặc những người cùng khiếu nại, tố cáo để ghi nhận nội dung trình bày và hướng dẫn thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định của pháp luật;

b) Trực tiếp tiếp công dân khi cần thiết;

c) Đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tiếp đại diện hoặc những người cùng khiếu nại, tố cáo đối với các vụ việc phức tạp;

d) Khi cần thiết, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và cấp huyện nơi phát sinh khiếu nại, tố cáo tham gia hoặc cử người có trách nhiệm tham gia việc tiếp dân, vận động đưa người khiếu nại, tố cáo về địa phương;

đ) Yêu cầu các cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu về vụ việc khiếu nại, tố cáo và tham gia việc tiếp công dân;

e) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan liên quan trong việc thực hiện các kết luận chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố liên quan đến công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và đơn do Văn phòng Tiếp công dân Thành phố chuyển đến.

4. Giám đốc Công an Thành phố có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo lực lượng chức năng thuộc Công an Thành phố và Công an quận, huyện có biện pháp đảm bảo an ninh, trật tự công cộng nơi đang tập trung nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo;

b) Triển khai phương án đối phó với những tình huống phức tạp, ngăn chặn các đối tượng xấu lợi dụng, kích động những người khiếu kiện gây phức tạp về an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội;

c) Xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vụ việc khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm:

a) Cử người tham gia tiếp công dân khi có yêu cầu;

b) Cung cấp kịp thời thông tin, tài liệu có liên quan việc khiếu nại, tố cáo theo yêu cầu của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo;

c) Vận động, đưa người khiếu nại, tố cáo trở về địa phương theo quy định;

d) Chủ động đẩy nhanh việc giải quyết và đảm bảo thời hạn giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền.

Điều 12. Trách nhiệm của Chánh Thanh tra Thành phố

1. Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tiến hành tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại Điều 10 của Quy trình này.

2. Chịu trách nhiệm trong việc tổng hợp các báo cáo (sơ kết, tổng kết đợt công tác trọng điểm...) liên quan đến tình hình nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Phân công lãnh đạo kịp thời phối hợp, tiếp xúc, vận động những người cùng khiếu nại, tố cáo thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp cần thiết, triệu tập Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để thống nhất đề xuất biện pháp tổ chức chỉ đạo, xử lý đối với các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài.

Chương III

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP XỬ LÝ TRƯỜNG HỢP NHIỀU NGƯỜI CÙNG KHIẾU NẠI, TỐ CÁO ĐẾN CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc phối hợp xử lý trường hợp nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo đối với các vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo Thường trực Tổ công tác phối hợp giải quyết khiếu nại, tố cáo Thành phố, lãnh đạo Văn phòng Tiếp công dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan phối hợp với Ban Tiếp công dân Trung ương và các cơ quan chức năng có liên quan của Trung ương tiếp đại diện hoặc những người cùng khiếu nại, tố cáo;

b) Chỉ đạo cung cấp thông tin, tài liệu về vụ việc khiếu nại, tố cáo theo yêu cầu của người có thẩm quyền;

c) Giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền;

d) Chỉ đạo các Sở, ngành có liên quan phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức thành viên tuyên truyền, vận động, thuyết phục công dân trở về địa phương để thực hiện việc khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

2. Công an Thành phố chỉ đạo lực lượng chức năng thuộc Công an Thành phố và Công an các quận, huyện có liên quan:

a) Thực hiện các biện pháp đảm bảo an ninh, trật tự công cộng;

b) Xử lý các hành vi gây rối, gây mất an ninh trật tự theo quy định của pháp luật.

3. Thủ trưởng các Sở, ngành có liên quan chịu trách nhiệm:

- a) Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến vụ việc khiếu nại, tố cáo theo yêu cầu của người có thẩm quyền;
- b) Cử người tham gia tiếp công dân;
- c) Tiến hành xác minh, kiến nghị giải quyết khiếu nại, tố cáo có liên quan đến ngành, lĩnh vực mà mình quản lý khi có yêu cầu.

Điều 14. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc phối hợp xử lý trường hợp nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo đến từ các tỉnh, thành phố khác

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm:

- a) Chỉ đạo Thường trực Tổ công tác phối hợp giải quyết khiếu nại, tố cáo Thành phố, lãnh đạo Văn phòng Tiếp công dân Thành phố phối hợp với các cơ quan chức năng của Trung ương tổ chức tiếp, hướng dẫn, vận động, thuyết phục, giải thích để nhanh chóng giải tỏa các đoàn khiếu kiện đông người trở về địa phương;
- b) Chỉ đạo việc liên hệ với cấp ủy, chính quyền địa phương của những người khiếu nại, tố cáo, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ trong việc vận động, thuyết phục, đưa công dân về địa phương để giải quyết theo thẩm quyền.

2. Công an Thành phố có trách nhiệm:

- a) Chỉ đạo các lực lượng chức năng và Công an các quận, huyện có liên quan thực hiện các biện pháp đảm bảo an ninh, trật tự công cộng;
- b) Phối hợp với Công an các tỉnh, thành phố của người khiếu nại, tố cáo để thực hiện việc vận động, thuyết phục và cưỡng chế hành chính đưa người khiếu nại, tố cáo về địa phương;
- c) Xử lý các hành vi gây rối, gây mất an ninh trật tự theo quy định của pháp luật.

Chương IV

QUY TRÌNH XỬ LÝ VÀ GIẢI QUYẾT NHIỀU NGƯỜI CÙNG KHIẾU NẠI, TỐ CÁO THUỘC ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Điều 15. Đối với những vụ việc có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ giao Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết hoặc phối hợp giải quyết

1. Tổ công tác phối hợp giải quyết khiếu nại, tố cáo Thành phố tổng hợp, báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành văn bản chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng Sở, ngành tổ chức thực hiện nghiêm túc, khẩn trương các ý kiến đã chỉ đạo đối với từng vụ việc. Văn bản chỉ đạo nêu cụ thể thời gian phải hoàn thành.

2. Tùy theo tính chất vụ việc, Thủ trưởng Sở, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trao đổi, thống nhất phương án giải quyết, tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết dứt điểm vụ việc.

3. Trên cơ sở báo cáo của Thủ trưởng Sở, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thống nhất phương án giải quyết giữa địa phương với Trung ương.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo, triển khai các nội dung đã thống nhất giải quyết vụ việc với Trung ương.

Điều 16. Đối với những vụ việc khiếu nại đã có ý kiến chỉ đạo, kết luận của Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương

1. Trường hợp Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương có ý kiến chỉ đạo, kết luận việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố là đúng pháp luật:

a) Xét thấy người khiếu nại có hoàn cảnh khó khăn thì xem xét, đề xuất giải pháp hỗ trợ phù hợp.

b) Thông báo công khai chấm dứt việc xem xét, giải quyết vụ việc khiếu nại. Tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại theo quy định tại Quy trình tổ chức thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật ban hành kèm theo Quyết định số 50/2013/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Trường hợp kết luận của Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương không công nhận hoặc chỉ công nhận một phần nội dung giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Tổ công tác phối hợp giải quyết khiếu nại, tố cáo Thành phố tổng hợp, báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, giao Thanh tra Thành phố chủ trì việc xem xét, kiến nghị phương án giải quyết. Trường hợp ý kiến chỉ đạo, kết luận đúng quy định pháp luật, phù hợp tình hình thực tiễn, khả thi trong thực hiện thì lập

kế hoạch thực hiện, thống nhất phương án, đối thoại, vận động người khiếu nại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan chấp hành. Trường hợp gặp vướng mắc, khó khăn trong thực hiện vì không phù hợp với tình hình thực tiễn, có phát sinh tình tiết mới thì chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị hữu quan trao đổi, thống nhất phương án, lập báo cáo, kiến nghị biện pháp giải quyết cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Trên cơ sở báo cáo của Thanh tra Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố thống nhất phương án giải quyết giữa địa phương với Trung ương.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo, triển khai các nội dung đã thống nhất giải quyết vụ việc với Trung ương.

Điều 17. Những vụ việc khiếu nại đã có Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành

1. Đối với các vụ việc khiếu nại do các cơ quan Trung ương đang xem xét giải quyết: Thủ trưởng cơ quan tiếp nhiều người cùng khiếu nại có văn bản hướng dẫn người khiếu nại và dự thảo văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị các cơ quan Trung ương khẩn trương xem xét, giải quyết dứt điểm.

2. Đối với các vụ việc khiếu nại đang do Tòa án thụ lý, xét xử: Thủ trưởng cơ quan tiếp nhiều người cùng khiếu nại vận động, giải thích cho công dân thông suốt các quy định của pháp luật, đồng thời dự thảo văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị cơ quan Tòa án sớm xem xét, giải quyết dứt điểm.

Điều 18. Đối với những vụ việc tố cáo đã có ý kiến chỉ đạo, kết luận của Thủ tướng Chính phủ, Thanh tra Chính phủ

1. Trường hợp Thủ tướng Chính phủ, Thanh tra Chính phủ kết luận việc giải quyết tố cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố là đúng pháp luật: Thông báo công khai chấm dứt việc xem xét, giải quyết vụ việc tố cáo và xử lý người cố tình tố cáo sai sự thật theo đúng quy định pháp luật.

2. Trường hợp Thủ tướng Chính phủ kết luận việc giải quyết tố cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố là có vi phạm pháp luật: Khẩn trương tổ chức thực hiện nghiêm túc ý kiến chỉ đạo và tiến hành xử lý tố cáo theo quy định tại Điều 25 Luật Tố cáo ngày 11 tháng 11 năm 2011 và Điều 24 Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo. Trường hợp trong quá trình tổ chức thực hiện kết luận chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ có khó khăn, vướng mắc thì báo cáo kịp thời, xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 19. Đối với những vụ việc đang thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

1. Thủ trưởng cơ quan tiếp nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo tổng hợp, báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành văn bản chỉ đạo Thủ trưởng các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc đã được giao xác minh vụ việc khiếu nại, tố cáo rà soát vụ việc, lập kế hoạch giải quyết và xác định cụ thể thời gian báo cáo kết quả xác minh và kiến nghị việc giải quyết, thông báo cho người khiếu nại, tố cáo biết tiến độ thực hiện. Trường hợp do trở ngại khách quan, không hoàn thành đúng thời gian Luật định hoặc theo chỉ đạo của cơ quan cấp trên phải thông báo tiến độ đồng gửi cho Tổ công tác phối hợp giải quyết khiếu nại, tố cáo cùng cấp. Văn bản chỉ đạo phải nêu cụ thể thời gian hoàn thành.

2. Trường hợp cơ quan đang có nhiều người khiếu nại, tố cáo tập trung là cơ quan chịu trách nhiệm xác minh và kiến nghị việc giải quyết thì trực tiếp thực hiện những nội dung được nêu tại Khoản 1 Điều này.

Điều 20. Đối với những vụ việc chưa được xem xét giải quyết theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định

Thủ trưởng cơ quan tiếp nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo hướng dẫn người khiếu nại, người tố cáo viết đơn và hướng dẫn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định. Trường hợp cần thiết, có văn bản (hoặc đề xuất cho cơ quan có thẩm quyền) yêu cầu cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm giải quyết theo quy định.

Điều 21. Đối với những trường hợp người khiếu nại, tố cáo lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật

Trường hợp người khiếu nại, tố cáo có hành vi lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để xuyên tạc, vu khống cán bộ, công chức, cơ quan Nhà nước, gây rối trật tự công cộng, cư trú trái pháp luật thì Trưởng Công an cấp huyện nơi đang tập trung nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo áp dụng các biện pháp cưỡng chế hành chính hoặc áp dụng biện pháp xử lý hình sự theo quy định của pháp luật; đồng thời công bố rõ nội dung vụ việc trên các phương tiện thông tin đại chúng. Trường hợp vượt quá thẩm quyền xử lý, giải quyết, thì kịp thời báo cáo xin ý kiến của Giám đốc Công an Thành phố.

Chương V**TỔ CÔNG TÁC PHỐI HỢP GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO****Điều 22. Thành lập Tổ công tác**

1. Tổ công tác cấp Thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập.

2. Thành phần Tổ công tác cấp Thành phố gồm:

a) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Tổ trưởng;

b) Lãnh đạo Thanh tra Thành phố, Tổ phó thường trực;

c) Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Tổ phó;

d) Lãnh đạo Văn phòng Tiếp công dân Thành phố, Tổ phó;

đ) Các thành viên gồm đại diện lãnh đạo: Ban Dân vận Thành ủy; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; Sở Tư pháp; Công an Thành phố; Sở Tài chính; các Sở, ngành và các tổ chức đoàn thể có liên quan đến nội dung khiếu nại, tố cáo;

e) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có phát sinh nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo về một nội dung là thành viên đương nhiên của Tổ công tác.

3. Tổ công tác cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập.

4. Thành phần Tổ công tác cấp huyện:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Tổ trưởng;

b) Lãnh đạo Thanh tra cấp huyện, Tổ phó Thường trực;

c) Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện, Tổ phó;

d) Thành viên Tổ công tác của Ủy ban nhân dân cấp huyện cơ cấu thành phần tương ứng với cơ cấu Tổ công tác cấp thành phố và Trưởng Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng cấp huyện.

5. Nhiệm vụ cụ thể của Tổ công tác các cấp được ghi cụ thể trong các quyết định thành lập.

6. Các thành viên của Tổ công tác từng cấp được sử dụng cán bộ, công chức có năng lực trình độ, am hiểu pháp luật để phục vụ công tác tổng hợp cho Tổ công tác và thực hiện một số công tác khác do Tổ trưởng phân công.

Điều 23. Chế độ báo cáo và hình thức gửi báo cáo

1. Cơ quan có trách nhiệm gửi báo cáo phải gửi theo địa chỉ hộp thư điện tử hoặc bằng văn bản theo quy định về sử dụng thư tín điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố (trừ các tài liệu thuộc danh mục bảo vệ bí mật Nhà nước).

2. Báo cáo gồm: Báo cáo nhanh, Báo cáo quý và Báo cáo sơ kết trong từng đợt công tác trọng điểm:

a) Báo cáo nhanh gửi ngay trong ngày, sau khi phát sinh việc nhiều người cùng khiếu nại hoặc tố cáo.

b) Báo cáo quý gửi trước ngày 25 của tháng 3, 6, 9.

c) Báo cáo sơ kết gửi sau 05 ngày khi kết thúc từng đợt công tác trọng điểm.

3. Các quận, huyện đang phát sinh nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm báo cáo hàng tháng về tiến độ giải quyết vụ việc.

Điều 24. Nơi tiếp nhận báo cáo

1. Cấp Thành phố: Báo cáo của Sở, ngành và quận, huyện có liên quan đến các vụ việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo được gửi đến Thanh tra Thành phố và Văn phòng Tiếp công dân Thành phố để phối hợp trong công tác tiếp công dân.

2. Cấp huyện: Báo cáo việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo của các Phòng, ban, tổ chức có liên quan gửi đến Thanh tra quận, huyện để tổng hợp.

3. Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn chịu trách nhiệm lập báo cáo nhanh đối với các vụ việc nhiều người cùng khiếu nại hoặc tố cáo phát sinh trên địa bàn cho Thanh tra quận, huyện.

Điều 25. Chế độ giao ban và nội dung giao ban

1. Tổ công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố họp giao ban hàng quý tại trụ sở của Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc của Thanh tra Thành phố.

2. Tổ công tác của Ủy ban nhân dân cấp huyện họp giao ban hàng quý tại trụ sở Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, huyện.

3. Nội dung giao ban: Kiểm điểm công tác, bàn biện pháp tháo gỡ những vướng mắc, đề ra kế hoạch, phân công công tác và báo cáo diễn biến tình hình, đề xuất giải quyết những vướng mắc trong việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách đối với từng vụ việc để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp chỉ đạo giải quyết.

4. Tổ công tác hợp đột xuất khi có yêu cầu của Tổ trưởng hoặc có vụ việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo xảy ra.

Điều 26. Kinh phí hoạt động

Tổ công tác chịu trách nhiệm dự toán phương tiện, kinh phí hoạt động trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Thanh tra Thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện Quy trình này.

2. Thủ trưởng Sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã chịu trách nhiệm phổ biến và tổ chức triển khai thực hiện Quy trình này.

Điều 28. Bổ sung, sửa đổi Quy trình

Trong quá trình thực hiện Quy trình này, nếu có vướng mắc, phát sinh, Tổ công tác phối hợp giải quyết khiếu nại, tố cáo Thành phố chủ trì phối hợp cùng Thủ trưởng Sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện kịp thời báo cáo, đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/2015/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Bổ sung Điểm c Khoản 1 Điều 3 Quyết định số 06/2013/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về
ban hành bảng giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ các loại phương tiện
vận tải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Nghị định số 23/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 3247/STC-BVG ngày 11 tháng 5 năm 2015 về việc bổ sung một số điều của Quyết định số 06/2013/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành bảng giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ các loại phương tiện vận tải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung Điểm c vào Khoản 1 Điều 3 Quyết định số 06/2013/QĐ-UBND như sau:

“c) Tài sản đã qua sử dụng được bán theo phương thức đấu thầu, đấu giá, thanh lý đúng theo quy định pháp luật: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 06/2013/QĐ-UBND.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2015/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 6 năm 2015

CHỈ THỊ

Về tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự tại cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong tình hình mới

Trong nhiều năm qua, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền và sự phối hợp tổ chức thực hiện của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, công tác đảm bảo an ninh trật tự tại các cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã đạt được nhiều kết quả tích cực phục vụ tốt cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

Tuy nhiên, tình hình an ninh trật tự tại Thành phố Hồ Chí Minh nói chung và trong các cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường nói riêng, nhất là thời gian gần đây có nhiều diễn biến phức tạp: một số đối tượng cơ hội chính trị lợi dụng sinh viên, học sinh, người lao động xuống đường tuần hành biểu tình để gây rối an ninh trật tự; tình hình đình công, lãn công, đập phá tài sản tại các khu chế xuất, khu công nghiệp; một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, học sinh, sinh viên còn mơ hồ trước âm mưu, hoạt động “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; tình hình trộm cắp trong cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường và mất cảnh giác với hoạt động của các loại tội phạm khác...

Nhằm tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự tại cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong tình hình mới, Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp, người đứng đầu các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố thực hiện một số nội dung sau:

1. **Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện có hiệu quả**

các chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cụ thể là: Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”; Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 01 tháng 12 năm 2011 của Ban Bí thư và Chương trình hành động số 26-CTr/TU ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới”; Nghị định số 06/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ về biện pháp vận động quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Bộ Công an quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”, Chỉ thị số 07/CT-BCA-V28 ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công an về đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự trong tình hình mới và các văn bản có liên quan.

2. Triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị định số 06/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ và Thông tư số 46/2014/TT-BCA ngày 16 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 06/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định về bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp. Quan tâm xây dựng, củng cố lực lượng bảo vệ chuyên trách và các tổ chức đoàn thể tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo hướng tự phòng, tự quản, tự bảo vệ, tự hòa giải. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp, người đứng đầu các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố về tiếp tục tổ chức cho lực lượng bảo vệ các cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường hưởng ứng cuộc vận động “Công an nhân dân chấp hành nghiêm điều lệnh, xây dựng nếp sống văn hóa vì nhân dân phục vụ” theo Công văn số 5550/UBND-PCNC ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Tạo điều kiện cho lực lượng bảo vệ trong các cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường tham dự các lớp huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, pháp luật do Công an Thành phố tổ chức. Xây dựng bảo vệ

cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường là lực lượng nòng cốt giữ gìn an ninh trật tự tại đơn vị. Tập trung xây dựng lực lượng bảo vệ tại các khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có đông công nhân (ngoài khu chế xuất, khu công nghiệp) kịp thời phối hợp ứng phó và giải quyết tốt các tình huống, đảm bảo an ninh trật tự không để xảy ra phức tạp.

3. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, học sinh, sinh viên chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về an ninh trật tự, chấp hành tốt các nội quy, quy chế bảo vệ an toàn cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường; nâng cao ý thức cảnh giác trong công tác phòng, chống tội phạm; phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, tệ quan liêu, tham nhũng...; Tuyên truyền, vận động đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, học sinh, sinh viên hiểu rõ về quan điểm của Đảng và Nhà nước trong giải quyết các vụ việc xâm phạm chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, nhất là xâm phạm vùng biển của Việt Nam, không tham gia biểu tình trái pháp luật, gây rối an ninh trật tự. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch lợi dụng mạng internet xuyên tạc chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc; khắc phục tình trạng lộ, lọt thông tin mật của Đảng, Nhà nước, bảo vệ tài sản, giữ gìn trật tự kỷ cương trong cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường.

4. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Bộ Công an quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” gắn với 04 tiêu chuẩn an toàn trong 12 tiêu chuẩn văn hóa giai đoạn 2012 - 2015 theo Quyết định số 4946/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố, gồm: Tiêu chuẩn ký túc xá văn hóa; Cơ sở, nhà hàng tổ chức tiệc cưới văn hóa; Cơ quan, đơn vị văn hóa; Doanh nghiệp văn hóa. Xây dựng các mô hình điểm trong cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường về phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội, xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh nơi công sở... Gắn công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường với các phong trào cách mạng khác của Đảng và Nhà nước.

5. Tăng cường vai trò nòng cốt của hệ thống tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên và các tổ chức nhân dân trong cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường, nhất là trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc sâu rộng, có hiệu quả. Tăng cường công tác bảo vệ trong các cơ quan, công sở, các mục tiêu trọng điểm về kinh tế, ngoại giao, nhất là các khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chú ý các ngày Lễ, Tết và sự kiện chính trị quan trọng.

6. Tổ chức các hoạt động thiết thực, có hiệu quả kỷ niệm “Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” vào dịp ngày 19 tháng 8 hàng năm theo Quyết định số 521/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 10/2014/CT-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tổ chức các hoạt động tiến tới kỷ niệm “Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” nhằm đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, nâng cao ý thức trách nhiệm của công dân trong việc tham gia đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, giữ gìn an ninh trật tự của Thành phố.

7. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá thực trạng và phân loại phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường, qua đó tăng cường đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới. Chú trọng xây dựng, phát huy hiệu quả các mô hình về tự phòng, tự quản, tự bảo vệ trong cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; phát hiện, nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến trong cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường; biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Thông báo kinh nghiệm, cách làm hay, gương người tốt việc tốt, điển hình tiên tiến trên các phương tiện thông tin đại chúng, báo chí, truyền hình để nhân rộng.

8. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp, người đứng đầu các cơ sở giáo dục có văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện Chỉ thị này. Giao Công an Thành phố theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương, cơ quan, đơn vị thực

hiện, báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân Thành phố và các cơ quan Trung ương theo quy định.

Chỉ thị này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký và được phổ biến đến các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục để triển khai thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2600/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bãi bỏ văn bản

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 2374/STP-KTrVB ngày 19 tháng 5 năm 2015 về việc xử lý Chỉ thị số 03/2014/CT-UBND theo kiến nghị của Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ Chỉ thị số 03/2014/CT-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch cúm gia cầm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh do toàn bộ nội dung văn bản đã được thay thế bằng văn bản khác và có nội dung chưa phù hợp với quy định Pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thủ trưởng các Sở ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn và các tổ chức cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tất Thành Cang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2646/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về bãi bỏ các văn bản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc bãi bỏ Chỉ thị số 311-CT ngày 05 tháng 11 năm 1987 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc sắp xếp lại hoạt động của các đơn vị hành chính, sự nghiệp, kinh tế thuộc các ngành Trung ương và các địa phương khác tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1814/TTr-SNV ngày 26 tháng 5 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ 03 văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện Chỉ thị số 311-CT ngày 05 tháng 11 năm 1987 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc sắp xếp lại hoạt động của các đơn vị hành chính, sự nghiệp, kinh tế thuộc các ngành Trung ương và các địa phương khác tại Thành phố Hồ Chí Minh, gồm:

1. Thông báo số 105/TB-UB ngày 28 tháng 9 năm 1990 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao cho Ban Tổ chức chánh quyền Thành phố giúp Ủy ban nhân dân

Thành phố thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về mặt tổ chức đối với các đơn vị, ngành, trung ương và các địa phương bạn trú đóng tại Thành phố;

2. Công văn số 2110/UB-NCVX ngày 01 tháng 8 năm 1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố về cấp phép và quản lý các đơn vị, cơ quan trú đóng hoạt động trên địa bàn Thành phố;

3. Công văn số 3265/UBND-VX ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về cấp giấy thỏa thuận trú đóng tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2647/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bãi bỏ văn bản

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 97/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ quy định về thanh tra viên và cộng tác viên;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra Thành phố tại Tờ trình số 547/TTTP-P6 ngày 26 tháng 5 năm 2015, ý kiến của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 1675/STP-KTrVB ngày 10 tháng 4 năm 2015 về xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ Quyết định số 414/QĐ-UB-NC ngày 04 tháng 02 năm 1994 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành quy chế sử dụng cộng tác viên thanh tra.

Lý do: không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Chánh Thanh tra Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tất Thành Cang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2777/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành Thể dục Thể thao
Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01 tháng 12 năm 2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục thể thao đến 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phát triển Thể dục Thể thao Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1752/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật Thể dục Thể thao quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2631/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 01 tháng 7 năm 2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Quyết định số 281/2007/QĐ-BKH ngày 26 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành định mức chi phí cho lập, thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành và quy hoạch các sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Đề cương chi tiết Quy hoạch phát triển ngành Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến 2025;

Căn cứ Báo cáo số 151/BC-UBND-VX ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố sơ kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 26 tháng 3 năm 1999 của Ban Thường vụ Thành ủy về phát triển Thể dục Thể thao thành phố và phương hướng, nhiệm vụ, những giải pháp chủ yếu phát triển phong trào thể dục thể thao Thành phố đến năm 2020; Báo cáo số 68/BC-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực trạng và giải pháp phát triển thể thao thành tích cao Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 4383/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thành lập Hội đồng thẩm định Quy hoạch phát triển ngành Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến 2025; Quyết

định số 3600/QĐ-UBND ngày 3 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về bổ sung thành viên Hội đồng thẩm định Quy hoạch phát triển ngành Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến 2025;

Căn cứ Quyết định số 1999/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động số 36-CTrHĐ/TU của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 2044/SVHTT-KH ngày 08 tháng 5 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 với các nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

Phát triển thể dục thể thao là một yêu cầu khách quan của xã hội, nhằm góp phần nâng cao sức khỏe, thể lực và chất lượng cuộc sống của nhân dân, chất lượng nguồn nhân lực; giáo dục ý chí, đạo đức, xây dựng lối sống và môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế; đồng thời, là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể.

Xây dựng nền thể dục thể thao phát triển và tiến bộ, đổi mới và hoàn thiện hệ thống tuyển chọn, bồi dưỡng và đào tạo tài năng thể thao gắn kết giữa các tuyến, các lớp kế cận, có sự quản lý, chỉ đạo thống nhất từ Thành phố đến cơ sở để phát triển thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội và truyền thống dân tộc, tăng cường hội nhập quốc tế, góp phần tích cực thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

Đầu tư cho thể dục thể thao là đầu tư cho con người, cho sự phát triển của đất nước nói chung và Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng. Tăng tỷ lệ chi ngân sách nhà nước, ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở vật chất thể dục thể thao và đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao, đồng thời phát huy các nguồn lực của xã hội để phát

triển thể dục thể thao. Đổi mới quản lý nhà nước về thể dục thể thao, phát huy mạnh mẽ vai trò của các tổ chức xã hội trong quản lý, điều hành các hoạt động thể dục thể thao.

Giữ gìn, tôn vinh những giá trị thể dục thể thao dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại, phát triển nền thể dục thể thao nước ta mang tính dân tộc, khoa học, nhân văn và văn minh.

II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Tập trung đầu tư và nâng cao trình độ tổ chức, quản lý để phát triển thể dục thể thao đúng tầm của Thành phố là một đô thị đặc biệt, trung tâm thể thao của cả nước. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động thể dục thể thao; mở rộng và nâng cao chất lượng phong trào thể thao quần chúng, thể thao học đường, đầu tư thích đáng với tầm nhìn chiến lược cho một số môn thể thao cơ bản trọng điểm và có ưu thế của thành phố, tiến đến thể thao chuyên nghiệp; phát triển cơ sở vật chất hiện đại và mở rộng đầu tư, giao lưu hợp tác quốc tế.

III. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Tập trung quy hoạch, xây dựng, sớm đưa vào hoạt động Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục Thể thao Thành phố hiện đại.
2. Hoàn thành Khu Liên hợp Thể dục Thể thao Rạch Chiếc.
3. Nâng cấp, hiện đại hóa các cơ sở vật chất hiện có, các sân bóng đá và trung tâm thể dục thể thao quận, huyện.
4. Khuyến khích nhân dân xây dựng các công trình thể dục thể thao như sân tennis, cầu lông, bóng chuyền, bóng rổ, phòng tập thể dục, phòng tập thể hình, hồ bơi, sửa chữa sân bóng đá các xã, phường, mua sắm dụng cụ thể dục thể thao cho trường học và các cụm thể thao ở quận, huyện theo hướng khai thác mọi nguồn lực từ ngân sách địa phương và sự đóng góp của toàn xã hội.
5. Mở rộng và nâng cao hiệu quả phong trào thể dục thể thao quần chúng tại cơ sở, nâng cao mức hưởng thụ trong hoạt động thể dục thể thao, tăng cường sức khỏe nhân dân.
6. Phấn đấu từ năm 2015 tất cả trường học đều thực hiện tốt chương trình thể dục chính khóa, 97% trường có hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa thường xuyên;

70% phường, xã có sân, bãi tập thể dục thể thao; 50% quận, huyện có sân vận động đạt tiêu chuẩn cấp III (thi đấu các giải Thành phố).

7. Phần đầu đến năm 2020: tỷ lệ dân số tập thể dục thể thao thường xuyên đạt 33%; Tỷ lệ gia đình thể thao đạt 25% số hộ trong toàn Thành phố; có từ 70% - 80% trường học có sân chơi, bãi tập; 100% số xã, phường có sân, bãi tập thể dục thể thao; 99,5% học sinh, sinh viên tham gia phong trào rèn luyện thân thể.

IV. NỘI DUNG QUY HOẠCH

1. Các chỉ tiêu phát triển thể dục thể thao quần chúng:

- Tỷ lệ người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên trên tổng số dân: năm 2015 là 28%; Năm 2020 là 33%, năm 2025 là trên 35%;

- Tỷ lệ hộ gia đình thể thao trên tổng số hộ gia đình: năm 2015 là 22%; Năm 2020 là 25%, năm 2025 là trên 25%;

2. Các chỉ tiêu phát triển giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường:

TT	Các chỉ tiêu	Năm		
		2015	2020	Định hướng 2025
1	Tỷ lệ học sinh, sinh viên tập luyện TDTT chính khóa (%)			
	- Mẫu giáo	100	100	100
	- Tiểu học	100	100	100
	- Trung học cơ sở	100	100	100
	- Trung học phổ thông	100	100	100
	- Đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp	80	90	100
2	Tỷ lệ học sinh, sinh viên tập luyện TDTT ngoại khóa (%)			
	- Tiểu học	55,1	96,8	99
	- Trung học cơ sở	62,3	98	99
	- Trung học phổ thông	75	98	99
	- Đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp	43,2	70	99
3	Tỷ lệ số trường thực hiện GDĐT và TT đạt mức độ tốt (%)			
	- Mẫu giáo	50	65	>90
	- Tiểu học	50	80	>90

	- Trung học cơ sở	55	85	>90
	- Trung học phổ thông	55	85	>90
	- Đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp	70	90	>90
4	Tỷ lệ giáo viên TĐTT (giáo viên/số học sinh, sinh viên)			
	- Tiểu học	1/400	1/300	1/200
	- Trung học cơ sở	1/300	1/250	1/200
	- Trung học phổ thông	1/300	1/180	1/150
	- Đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp	1/380	1/250	1/200

3. Các chỉ tiêu phát triển thể dục thể thao trong lực lượng vũ trang:

- Tỷ lệ cán bộ, chiến sĩ tập luyện thể dục thể thao thường xuyên trên tổng số cán bộ chiến sĩ trong:

+ Lực lượng quân đội nhân dân: từ năm 2020 trở đi là 100%;

+ Lực lượng công an nhân dân: năm 2020 đạt 75% - 85% và duy trì đến năm 2025.

- Tỷ lệ cán bộ, chiến sĩ đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực trên tổng số quân nhân: 85% - 90%.

4. Các chỉ tiêu phát triển thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp:

a) Lực lượng vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài:

- Số lượng VĐV các cấp: năm 2015 là 2.020 người; Năm 2020 là 2.832 người; năm 2025 là 3.282 người;

- Số lượng VĐV đạt đẳng cấp: Cấp I: năm 2015 là 486 người; năm 2020 là 534 người, năm 2025 là 587 người; Kiện tướng: năm 2015 là 460 người; năm 2020 là 492 người, năm 2025 là 526 người;

- Huấn luyện viên các cấp: năm 2015 là 558 người, năm 2020: 647 người; năm 2025: 825 người;

- Huấn luyện viên chuyên nghiệp: năm 2015 là 25 người, năm 2020 là 35 người, năm 2025 là 45 người;

- Trọng tài cấp quốc gia: năm 2015 là 120 người, năm 2020 là 150 người, năm 2025 là 180 người;

- Trọng tài cấp quốc tế: năm 2015 là 40 người, năm 2020 là 70 người, năm 2025 là 100 người;

b) Thể thao chuyên nghiệp:

- Số môn thể thao chuyên nghiệp: Năm 2020 là 9 môn, năm 2025 là trên 9 môn;

- Số lượng CLB chuyên nghiệp: Năm 2020 là 9 CLB, năm 2025 là 20 CLB;

c) Thành tích thi đấu:

- Các giải trong nước: năm 2015 đạt 1.800 huy chương; năm 2020 đạt 1.900 huy chương; năm 2025 đạt 2.000 huy chương;

- Các giải Quốc tế chính thức: năm 2015 đạt 150 huy chương; năm 2020 đạt 200 huy chương; năm 2025 đạt 230 huy chương.

- Đại hội TDTT toàn quốc 2018 và Đại hội TDTT toàn quốc 2022: tham dự từ 800 – 1.000 vận động viên, đạt từ 100-120 huy chương vàng;

- Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games):

TT	Đại hội Thể thao	Huy chương vàng	Số lượng VĐV
1	SEA Games 2017	20-25	250-300
2	SEA Games 2019	25-30	250-300
3	SEA Games 2021	30-35	300-350
4	SEA Games 2023	30-35	300-350
5	SEA Games 2025	30-35	300-350

- Đại hội Thể thao Châu Á (ASIAD):

TT	Đại hội Thể thao	Huy chương vàng	1 Số lượng VĐV
1	ASIAD 2018	3-5	30-40
2	ASIAD 2023	3-5	40-50

- Thể vận hội (Olympic):

TT	Đại hội Thể thao	Huy chương vàng	Số lượng VĐV
1	Olympic 2016	1	5-10
2	Olympic 2020	1	10-15
3	Olympic 2024	1-2	15-20

5. Các chỉ tiêu phát triển hệ thống tổ chức bộ máy và nhân sự:

- Tổ chức bộ máy ngành TDTT: năm 2015 là 950 người; năm 2020 là 1.050 người, năm 2025 là 1.150 người;

- Tỷ lệ cán bộ TDTT (các loại) trên số người tập luyện TDTT thường xuyên (%): năm 2015 là 2,5/1000 người; năm 2020 là 3/1000 người, năm 2025 là 4/1000 người;

- Trình độ cán bộ: Đại học (tỷ lệ trên số cán bộ TDTT): năm 2015 là 50%, năm 2020 là 60% và năm 2025 là 80%; Trên Đại học: năm 2015 là 65 người; năm 2020 là 83 người, năm 2025 trên 106 người;

6. Các chỉ tiêu phát triển hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật TDTT:

- Chỉ tiêu đất dành cho hoạt động TDTT: năm 2015 là 1.420 ha; năm 2020 là 2.278 ha, năm 2025 là 2.600 ha;

- Chỉ tiêu đất bình quân đầu người dành cho hoạt động TDTT (m^2 /người): năm 2015 là 1,7 m^2 /người; năm 2020 là 2,4 m^2 /người; năm 2025 là 2,6 m^2 /người.

- Chỉ tiêu đất bình quân đầu người dành cho hoạt động TDTT học đường:

+ Tiểu học: năm 2015 là 1 m^2 /học sinh; năm 2020 là 1,5 m^2 /học sinh; năm 2025 là 2 m^2 /học sinh;

+ Trung học cơ sở: năm 2015 là 1,8 m^2 /học sinh; năm 2020 là 2 m^2 /học sinh; năm 2025 là 2,5 m^2 /học sinh;

+ Trung học phổ thông: năm 2015 là 2 m^2 /học sinh; năm 2020 là 2,5 m^2 /học sinh; năm 2025 là 3 m^2 /học sinh;

+ Đại học, Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp: năm 2015 là 2 m^2 /học sinh; năm 2020 là 3 m^2 /học sinh; năm 2025 là 4 m^2 /học sinh;

- Các công trình thể thao: (Đính kèm phụ lục chỉ tiêu sử dụng đất dành cho các công trình TDTT đến năm 2025).

+ Cấp quốc tế: các công trình, cơ sở vật chất TDTT cấp Thành phố phải đảm bảo quy chuẩn thi đấu quốc tế.

+ Cấp quốc gia: Các công trình, cơ sở vật chất TDTT từ cấp Quận, huyện trở lên phải đảm bảo quy chuẩn thi đấu cấp quốc gia.

+ Cấp Thành phố: Các công trình, cơ sở vật chất TDTT của xã, phường phải đảm bảo theo quy chuẩn thi đấu cấp Thành phố.

7. Các chỉ tiêu về nguồn đầu tư tài chính:

- Kinh phí do ngân sách nhà nước cấp (chưa tính kinh phí đầu tư cơ sở vật chất): năm 2015: 500 tỷ đồng; năm 2020: 550 tỷ đồng; năm 2025: 600 tỷ đồng;

- Tỷ lệ nguồn tài chính huy động từ xã hội trên kinh phí do ngân sách nhà nước cấp cho ngành TDTT: năm 2015 là 5%; năm 2020 là 10%; năm 2025 là 15%.

V. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

(Phụ lục đính kèm)

VI. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH:

1. Nâng cao nhận thức, đẩy mạnh thông tin, truyền thông

Tăng cường công tác quán triệt, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với hoạt động thể dục thể thao; nâng cao nhận thức và phát huy vai trò của các cấp ủy Đảng và chính quyền trong công tác phát triển sự nghiệp thể dục thể thao. Thể dục thể thao được xác định là một nội dung trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm và dài hạn của Thành phố Hồ Chí Minh.

Đẩy mạnh và đổi mới công tác thông tin, truyền thông về vai trò, tác dụng của thể dục thể thao, nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng, phát huy mặt tích cực của dư luận xã hội trong việc tuyên truyền, quảng bá các giá trị xã hội của thể dục thể thao.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống tổ chức thông tin về thể dục thể thao, phục vụ có hiệu quả việc tìm kiếm, khai thác, chia sẻ và phổ biến thông tin về thể dục thể thao giữa cơ quan quản lý nhà nước với các cơ quan tổ chức, địa phương và các cá nhân trong xã hội.

2. Đẩy mạnh phát triển giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường

Đổi mới nhận thức về giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường trên cơ sở đó hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý, phối hợp và phân công trách nhiệm, chỉ đạo thực hiện của Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa và Thể thao, Ủy ban nhân dân quận, huyện và các liên đoàn, hiệp hội của Thành phố.

Mạnh dạn đề xuất, nghiên cứu, thử nghiệm các nội dung giảng dạy thể dục chính khóa trên cơ sở chương trình khung chuẩn của từng cấp học theo hướng coi trọng và nâng cao chất lượng giờ học thể dục trong tất cả các trường; tập trung phát triển các hoạt động tập luyện, thi đấu thể dục thể thao ngoại khóa một cách hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tiễn của mỗi trường; có chính sách khuyến khích học sinh, sinh viên, gia đình, các tổ chức xã hội ủng hộ, tự nguyện tham gia để tăng nhanh số lượng trường học đạt mức độ tốt trong thực hiện công tác giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường.

Phổ cập dạy và học bơi đối với học sinh hệ phổ thông và mầm non; đảm bảo 100% trường phổ thông đưa môn bơi vào chương trình ngoại khóa.

Tăng cường xây dựng hệ thống câu lạc bộ thể dục thể thao trường học làm đơn vị cơ sở và được coi là tế bào của hệ thống giáo dục thể chất thanh thiếu niên. Nghiên cứu thành lập các trung tâm thể dục, thể thao ngoại khóa cho học sinh, sinh viên để thu hút ngày càng nhiều thanh, thiếu niên tham gia vào hoạt động thể dục thể thao, từ đó nâng cao sức khỏe của những công dân tương lai và phát hiện tài năng thể thao.

Xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện công tác đào tạo đội ngũ giáo viên thể dục thể thao cho hệ thống trường học các cấp theo phương châm mở rộng và đa dạng hóa các hình thức đào tạo, bồi dưỡng giáo viên thể dục thể thao, đảm bảo tăng nhanh về số lượng và chất lượng, phấn đấu đến năm 2020 đủ giáo viên chuyên trách thể dục thể thao cho các trường.

Cải tiến hệ thống thi đấu thể thao trong nhà trường các cấp; đổi mới nội dung, hình thức tổ chức Hội khỏe Phù Đổng Thành phố các cấp cho phù hợp với nhu cầu và điều kiện phát triển ở Thành phố Hồ Chí Minh, đảm bảo thu hút đông đảo học sinh, sinh viên tham gia thi đấu trong từng cấp học, đồng thời tuyển chọn tài năng thể thao cho thành phố và quốc gia.

Quy hoạch diện tích đất dùng cho các công trình thể dục thể thao ở các trường học, ưu tiên đầu tư cho các huyện ngoại thành; xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng

và sử dụng liên thông hệ thống cơ sở vật chất thể dục thể thao giữa các trường trong khu vực địa giới, giữa các trường với các trung tâm thể dục thể thao của quận, huyện. Kết hợp đẩy mạnh công tác xã hội hóa để thu hút các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đầu tư vào cơ sở vật chất thể dục thể thao ở các trường học. Thực hiện chính sách ưu đãi về đất đai theo quy định pháp luật đối với trường tư thục, trường dân lập để các trường này có điều kiện xây dựng cơ sở vật chất thể dục thể thao.

3. Tập trung đầu tư phát triển thể thao thành tích cao

Duy trì, củng cố 20 môn thể thao trọng điểm, thế mạnh của thành phố; Tăng mức đầu tư và đổi mới cơ chế, chính sách đối với các môn cơ bản như điền kinh, bơi lội, thể dục và các môn bóng; nỗ lực nâng cao trình độ các môn thể thao còn yếu kém, lạc hậu. Xây dựng chủ trương, chính sách cụ thể để khuyến khích các quận, huyện phát triển có trọng tâm các môn thể thao phù hợp với đặc điểm của quận, huyện; hình thành nên các môn thể thao ưu thế và đặc sắc của mỗi quận, huyện.

Hoàn thiện và phát huy vai trò chủ đạo của nhà nước để phát triển thể thao thành tích cao ở Thành phố Hồ Chí Minh: Điều tiết tốt mối quan hệ giữa trung ương, thành phố, quận, huyện và các liên đoàn, hội thể thao để phát triển cân đối các môn thể thao thành tích cao và các môn thể thao chuyên nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh. Xây dựng cơ chế phối hợp với các Trung tâm thể thao quận, huyện trong định hướng phát triển từng môn thể thao. Tăng cường phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan mật thiết đến sự phát triển ngành như: Sở Giáo dục - Đào tạo, Trường Đại học Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Huấn luyện Thể thao Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh, Viện Khoa học Thể dục Thể thao, Vụ hợp tác quốc tế, Hội Y học Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh, Bệnh viện 115, Trung tâm Dinh dưỡng Thành phố Hồ Chí Minh, các chuyên gia thuộc các lĩnh vực chuyên ngành Thể dục Thể thao.

Xây dựng kế hoạch cụ thể, chỉ tiêu khả thi để tham gia Đại hội Thể thao Đông Nam Á, Châu Á và Olympic:

Đổi mới công tác quản lý và huấn luyện các đội dự tuyển, đội tuyển Thành phố: Hoàn thiện, nâng cao các chế độ chính sách cho các đội dự tuyển, đội tuyển Thành phố; phát huy tác dụng chủ đạo của huấn luyện viên trưởng và triển khai thực hiện quy chế giám định huấn luyện đối với các vận động viên của Thành phố theo quy định. Khuyến

khích và mạnh dạn giao cho các quận, huyện, các câu lạc bộ có đủ năng lực đứng ra đảm nhận trách nhiệm tổ chức quá trình tập luyện của các đội dự tuyển Thành phố.

Xây dựng hệ thống đào tạo nhân tài thể thao: Xây dựng kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn nguồn nhân lực thể thao kế cận cho các nhóm môn thể thao được quy hoạch, đặc biệt là các môn thể thao trọng điểm, các môn Olympic; Hoàn thiện các chế độ, chính sách liên quan đến công tác giáo dục, giáo dục đội ngũ nhân tài thể thao. Xây dựng và triển khai quy chế tuyển chọn tài năng thể thao. Xây dựng hệ thống liên kết các câu lạc bộ thể dục, thể thao trường học, các liên đoàn, hội thể thao và tư nhân... để đào tạo các tài năng thể thao kế cận.

Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng và phẩm chất đạo đức cho các vận động viên.

Tăng cường giáo dục văn hóa; Hoàn thiện, xây dựng mới các chế độ, chính sách khen thưởng và bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ quyền lợi thiết thực cho vận động viên; bảo đảm vận động viên được hưởng các đãi ngộ về việc làm sau khi thi đấu, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...

Phòng chống tiêu cực và doping trong thể thao: Phối hợp các cơ quan chức năng xây dựng hệ thống văn bản pháp quy và triển khai các mặt công tác phòng, chống và xử lý các hoạt động tiêu cực: mua bán, dàn xếp tỉ số, bạo lực, giả mạo, dối trá, tham ô, biến chất... trong thi đấu thể thao. Quán triệt và thực hiện việc phòng chống doping trong thể thao.

4. Hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý thể dục thể thao ở Thành phố Hồ Chí Minh:

Hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về thể dục thể thao trên cơ sở đổi mới cơ chế, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh phát triển ngành thể dục thể thao trong giai đoạn mới.

Đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành của các tổ chức quản lý nhà nước về thể dục thể thao trên cơ sở đẩy mạnh chức năng dịch vụ công, sự hỗ trợ của xã hội và sự tham gia rộng rãi của nhân dân.

Phát huy hơn nữa vai trò của các liên đoàn, hiệp hội thể thao; hoàn thiện cơ cấu tổ chức bằng cơ chế phối hợp trách nhiệm rõ ràng, cụ thể, đẩy mạnh cơ chế tự kỷ luật.

Tích cực đẩy mạnh cải cách, phân loại đơn vị ngành thể dục thể thao theo hướng dịch vụ công; khuyến khích các tổ chức xã hội tham gia vào quản lý thể dục thể thao để đa dạng hóa chủ thể cung cấp các dịch vụ thể dục thể thao nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Tăng cường sự phối hợp của cơ quan quản lý thể dục thể thao các cấp với các đoàn thể chính trị-xã hội (Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Phụ nữ...) để triển khai các hoạt động thể dục thể thao rộng khắp cho mọi đối tượng.

5. Hoàn thiện chính sách về phát triển nguồn nhân lực thể dục thể thao

Đổi mới cơ chế, chính sách và các quy phạm pháp luật về phát triển nguồn nhân lực thể dục thể thao; Xây dựng, hoàn thiện hệ thống khung pháp lý về phát triển nguồn nhân lực thể dục thể thao theo định hướng thị trường, đa dạng hóa, giữa các hình thức đào tạo mới, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ nhân lực hiện có. Chuẩn hóa đội ngũ huấn luyện viên thể thao của Thành phố theo hướng chuyên nghiệp.

Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển nguồn nhân lực thể dục thể thao; đào tạo cán bộ, chuyên gia đầu ngành, chuyên môn sâu ở các lứa tuổi có tính kế cận; tăng cường nghiên cứu để ứng dụng phù hợp trong việc giáo dục chính trị tư tưởng cho nguồn nhân lực thể dục thể thao theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tăng cường xã hội hóa phát triển nguồn nhân lực; huy động và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực của Thành phố; chủ động đẩy mạnh hợp tác quốc tế để huy động nguồn nhân lực từ các nước trên thế giới.

6. Tập trung đầu tư hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật Thể dục Thể thao

Tiến hành xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp theo quy hoạch đến năm 2020 và đến 2025.

Rà soát những công trình thể dục thể thao hiện hữu để lập đề án xây dựng nâng cấp, mở rộng, điều chỉnh, sắp xếp lại theo quy hoạch; quy định về trách nhiệm quản lý chặt chẽ diện tích đất dành cho công trình thể dục thể thao và các quy định nghiêm cấm việc lấn chiếm, sử dụng đất thể dục thể thao vào nội dung khác.

Tập trung đầu tư các công trình Thể dục Thể thao trọng điểm đã được Nghị quyết

Đại hội Đảng bộ Thành phố lần 9 và Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 27-CTrHD/TU ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/T.U ngày 16 tháng 01 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ trên địa bàn Thành phố (Quyết định số 43/2012/QĐ-UBND ngày 3 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố) xác định để sớm đưa vào sử dụng, gồm Trung tâm Huấn luyện và thi đấu Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh (hoàn thành vào năm 2017), Khu Liên hợp Thể dục Thể thao Rạch Chiếc (2020) và Trung tâm Thể dục Thể thao Phan Đình Phùng (2017).

Xây dựng cơ chế, chính sách về tạo quỹ đất dành cho thể dục thể thao, về miễn giảm thuế, chính sách ưu đãi tín dụng cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách để tham gia đầu tư xây dựng đối với các dự án, các công trình thể dục thể thao có quy mô lớn; đặc biệt đối với công trình thể dục thể thao ở trường học, khu dân cư, khu công nghiệp.

Có chính sách khuyến khích nguồn lực xã hội tham gia đầu tư phát triển hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục thể thao ở thành phố, quận, huyện với điều kiện không làm ảnh hưởng đến chức năng hoạt động của các công trình thể dục thể thao; Nghiên cứu trình cấp thẩm quyền cho phép thực hiện chủ trương tạo nguồn thu từ xổ số thể thao, đặt cược thể thao để hỗ trợ xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục thể thao.

Phát triển việc liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp, tập đoàn trong và ngoài nước để đầu tư cho những công trình thể dục thể thao mang tính đón đầu trong tương lai và phù hợp nhu cầu tập luyện của nhân dân.

Đẩy mạnh việc đầu tư các công trình thể dục thể thao phục vụ cho huấn luyện, đào tạo từng môn thể thao từ các Hiệp hội, Liên đoàn thể thao.

Rà soát, đánh giá, xác định danh mục các cơ sở vật chất thể dục thể thao đang trong tình trạng xuống cấp, sử dụng không hiệu quả, sử dụng không đúng và không hết công năng hoặc diện tích nhỏ, không đảm bảo điều kiện tập luyện... để xem xét hoán đổi hoặc chuyển mục đích sử dụng nhằm tạo kinh phí, tập trung đầu tư phát triển các công trình trọng điểm.

7. Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa Thể dục Thể thao

Xây dựng và phát triển đa dạng các hình thức tổ chức xã hội về thể dục thể thao.

Nâng cao tính tích cực xã hội và năng lực hoạt động xã hội của nhân dân trong công tác thể dục thể thao.

Tăng cường phát triển kinh tế thể thao, xác định rõ các lĩnh vực hoạt động kinh doanh thể dục thể thao, thúc đẩy hoạt động kinh doanh thể dục thể thao chuyên nghiệp, khuyến khích các hình thức liên doanh, liên kết, hợp tác giữa nhà nước, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong phát triển kinh doanh thể dục thể thao ở trong và ngoài nước, phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Từng bước chuyển giao các hoạt động tác nghiệp trong hoạt động thể dục thể thao cho các Liên đoàn, Hội thể thao thực hiện.

8. Tăng cường công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ

Tập trung nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ trong các lĩnh vực trọng điểm gắn với các môn thể thao nhằm nâng cao thành tích, đặc biệt là những môn Olympic.

Xây dựng mô hình liên kết khoa học công nghệ thể dục thể thao giữa các trường đại học thể dục thể thao, Viện Khoa học Thể dục thể thao, các Trung tâm huấn luyện thể thao Quốc gia, các Trung tâm nghiên cứu khoa học ở Trung ương và thành phố, các hội khoa học kỹ thuật...

Đẩy mạnh hoạt động chuyển giao công nghệ từ các kết quả nghiên cứu khoa học ở trong nước và nước ngoài theo hướng thiết thực và hiệu quả.

Tăng cường đầu tư trang thiết bị phục vụ nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ trong y học thể thao các cơ sở y học thể dục thể thao, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học, kiểm tra y học, đánh giá thể chất, phòng ngừa, chữa trị, hồi phục chấn thương, nhất là đối với thể thao thành tích cao.

9. Thúc đẩy hợp tác quốc tế

Tăng cường phát triển các mối quan hệ hợp tác với các nước, với các tổ chức đơn môn thể thao quốc tế, với các tổ chức thể thao quốc tế khác thông qua hiệp định hợp tác của ngành thể dục thể thao, của Ủy ban Olympic quốc gia.

Củng cố mối quan hệ truyền thống với các nước đã có quan hệ với Thành phố Hồ Chí Minh; xây dựng các chương trình giao lưu thể dục thể thao để tạo điều kiện

cho cán bộ quản lý, huấn luyện viên, vận động viên và trọng tài tiếp cận với nền thể dục thể thao tiên tiến của các nước, học hỏi kinh nghiệm và nâng cao trình độ chuyên môn.

Xây dựng chương trình phổ biến võ học Việt Nam (Vovinam, võ cổ truyền) đến các nước có quan hệ hợp tác.

Kết hợp các hoạt động hợp tác quốc tế với quá trình chuyên nghiệp hóa, xã hội hóa các môn thể thao ở Thành phố Hồ Chí Minh; đặc biệt là hợp tác phát triển các môn thể thao chuyên nghiệp như bóng đá, bóng chày, xe đạp, quần vợt, cầu lông...

Mở rộng các hoạt động liên doanh liên kết, hợp tác để phát triển kinh doanh thể thao ở Thành phố Hồ Chí Minh; phát triển các loại kinh doanh thể thao giải trí; kêu gọi ngày càng nhiều các nhà đầu tư nước ngoài vào việc xây dựng các công trình thể thao, đào tạo nguồn nhân lực và đầu tư vào các hoạt động thể thao ở Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Tăng cường đầu tư tài chính cho phát triển thể dục thể thao:

Tăng cường đầu tư ngân sách thành phố cho hoạt động sự nghiệp thể dục thể thao tương xứng với nhiệm vụ, phát triển theo từng năm, từng thời kỳ phù hợp với xu thế phát triển chung của Thành phố

Quy định chặt chẽ, rõ ràng và đơn giản hóa các thủ tục hành chính nhằm tạo sự thuận tiện, nhanh chóng trong việc cấp giấy phép, đăng ký hoạt động, đăng ký hành nghề của các tổ chức, cá nhân tham gia vào các lĩnh vực hoạt động thể dục thể thao.

Tiến hành nghiên cứu, phân tích mức độ liên quan của các hoạt động kinh doanh thể dục thể thao, từ đó xác định kế hoạch hợp nhất và liên hoàn giữa kinh doanh thể dục thể thao và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan để từng bước phát triển công nghiệp thể thao ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Khuyến khích, tạo điều kiện để phát triển đa dạng các loại hình kinh doanh thể dục thể thao; từng bước mở rộng thị trường thể thao.

Hoàn thiện tiêu chuẩn dịch vụ thể thao; thực hiện các chế độ kiểm định chất lượng dịch vụ thể thao.

Đẩy mạnh các hoạt động tài trợ, quảng cáo, thương quyền... trong các lĩnh vực thể dục thể thao; từng bước thực hiện kế hoạch tổ chức xô số thể thao, đặt cược thể

thao theo chủ trương chung của Chính phủ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Về kinh phí thực hiện Quy hoạch: Ngân sách thành phố đảm bảo thực hiện chương trình, dự án được phê duyệt theo quy định để thực hiện kế hoạch phát triển ngành thể dục thể thao hàng năm. Thực hiện các giải pháp cụ thể để thu hút nguồn xã hội hóa thể dục thể thao, tạo mọi điều kiện thực hiện thuận lợi cho mọi tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển thể dục, thể thao quần chúng, thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp.

2. Trách nhiệm của Sở Văn hóa và Thể thao:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, Ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển thể dục thể thao Thành phố đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025; hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện quy hoạch và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố theo định kỳ; tổ chức sơ kết 5 năm một lần.

- Phối hợp Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch Kiến trúc, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân các quận huyện, đơn vị liên quan để đẩy nhanh tiến độ xây dựng Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục Thể thao Thành phố, Khu Liên hợp Thể dục thể thao Rạch Chiếc; nâng cấp, hiện đại hóa các cơ sở vật chất thể dục thể thao.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao thực hiện:

- Nâng cao chất lượng giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học; Thực hiện định kỳ điều tra đánh giá thể chất và sức khỏe cho học sinh, sinh viên; Tổ chức thi đấu thể dục, thể thao học đường.

- Đảm bảo đội ngũ giáo viên, hướng dẫn viên cho thể dục thể thao trường học.

- Đảm bảo chỉ tiêu đất thể dục thể thao và cơ sở vật chất thể dục thể thao dành cho trường học xây dựng theo tiêu chuẩn quy định.

- Tham mưu xây dựng các văn bản pháp quy, chế độ chính sách phát triển thể dục thể thao học đường.

- Ban hành chính sách đặc thù xây dựng các câu lạc bộ thể dục thể thao trường học, xây dựng thí điểm một số cơ sở đào tạo tài năng thể thao trẻ ở trường học.

4. Sở Y tế chịu trách nhiệm phối hợp với Sở Giáo dục Đào tạo, Sở Văn hóa và Thể thao xây dựng chương trình chăm sóc sức khỏe học đường; phối hợp thực hiện Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm phối hợp đưa Quy hoạch phát triển thể dục thể thao vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, phát triển kinh tế-xã hội của Thành phố; chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở ngành huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách Nhà nước cho phát triển thể dục thể thao Thành phố.

6. Sở Quy hoạch Kiến trúc chịu trách nhiệm phối hợp Sở Văn hóa và Thể thao tập trung hoàn thành Quy hoạch 1/2000, 1/500 Khu Trường đua Phú Thọ, Khu Liên hợp Thể dục thể thao Rạch Chiếc.

7. Sở Tài chính chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Quy hoạch phát triển thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; bổ sung, hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính, bảo đảm sử dụng hiệu quả các nguồn đầu tư cho thể dục thể thao; xây dựng các chính sách khuyến khích xã hội hóa và kinh doanh dịch vụ thể dục thể thao.

8. Sở Nội vụ chịu trách nhiệm phối hợp Sở Văn hóa và Thể thao quản lý các tổ chức xã hội về thể dục thể thao; xây dựng chế độ chính sách dành cho cán bộ, huấn luyện viên, vận động viên, chính sách đối với tập thể, cá nhân tham gia hoạt động thể dục thể thao theo chủ trương xã hội hóa.

9. Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm phối hợp Sở Văn hóa và Thể thao xây dựng kế hoạch tuyên truyền trên các phương tiện báo, đài, thông tin đại chúng giúp mọi người nâng cao nhận thức và sự hiểu biết về ý nghĩa tác dụng của tập luyện thể dục thể thao.

10. Sở Tài nguyên môi trường chịu trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện rà soát, bổ sung và hoàn thiện các quy định về quy hoạch sử dụng đất dành cho thể dục thể thao, thiết lập các chế tài thực hiện các quy định này.

- Phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao triển khai và thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc xác định nhu cầu sử dụng đất và lập kế hoạch điều chỉnh, sử dụng đất của ngành thể dục thể thao đến 2025.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hứa Ngọc Thuận

Phụ lục 1**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2777/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2015
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Tên chương trình, dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng vốn đầu tư	Kế hoạch vốn 2015	Nguồn vốn đầu tư		
					Trung ương	Thành phố	Xã hội hóa
1	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh	2015-2017	3.000			x	x
2	Dự án Khu Liên hợp Thể dục Thể thao Quốc gia Rạch Chiếc	2015-2020	21.000	0,435	x	x	x
3	Trung tâm Thể dục Thể thao Phan Đình Phùng	2015-2017	1.500			x	x
4	Trung tâm Thể dục Thể thao Hoa Lư	2015-2017	150			x	
5	Trung tâm TDTT quận 12 (phường Hiệp Thành)	2016-2020	500	x		x	x
6	Trung tâm TDTT quận Thủ Đức (phường Tam Phú)	2016-2020	600	x		x	x
7	Trung tâm TDTT huyện Nhà Bè (ấp 1, xã Phú Xuân)	2016-2020	500	x		x	x
8	Sân vận động (Lô 2-22) Khu đô thị mới Thủ Thiêm	2016-2020	800				x
9	Nhà thi đấu đa năng (Lô 2-28) Khu đô thị mới Thủ Thiêm	2016-2020	400				x
10	Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu, nhân tài lĩnh vực Thể thao giai đoạn 2016-2020	2016-2020	1.000			x	x
11	Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu, nhân tài lĩnh vực Thể thao giai đoạn 2021-2025	2021-2025	1.000			x	x

Phụ lục 2**CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT
DÀNH CHO CÁC CÔNG TRÌNH THỂ DỤC THỂ THAO ĐẾN NĂM 2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2777/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Cấp Thành phố:

Tên công trình	Năm	Hiện trạng	2015	2020	2025
		(m ²)	(m ²)	(m ²)	(m ²)
Trung tâm thể thao dưới nước Yết Kiêu		8.753	8.753	8.753	8.753
Trung tâm TDTT Hoa Lư		22.000	22.000	22.000	22.000
Câu lạc bộ thể thao Trần Hưng Đạo		2.374	2.374	0	0
Khu liên hợp TDTT Rạch Chiếc (dự kiến)		180 ha	180 ha	180 ha	180 ha
Trung tâm TDTT Phan Đình Phùng		15.465	15.465	15.465	15.465
Sân vận động Thống Nhất		36.540	36.540	36.540	36.540
Trung tâm huấn luyện và thi đấu TP.HCM		253.000	253.000	138.237	138.237
Nhà thi đấu Phú Thọ		47.759	47.759	47.759	47.759
Nhà tập luyện Phú Thọ		18.419	18.419	18.419	18.419
CLB bơi lội Phú Thọ		14.000	14.000	14.000	14.000
CLB quần vợt Phú Thọ		18.894	18.894	18.894	18.894
CLB thể thao Thanh Đa		12.880	12.880	12.880	12.880
Sân vận động (Lô 2-22) Khu đô thị mới Thủ Thiêm				69.000	69.000
Nhà thi đấu đa năng (Lô 2-28) Khu đô thị mới Thủ Thiêm				26.000	26.000

2. Cấp quận, huyện:

Tên công trình	Năm	Hiện trạng	2015	2020	2025
		(m ²)	(m ²)	(m ²)	(m ²)
Quận 1		29.424	29.424	29.424	29.424
Nhà thi đấu Nguyễn Du		10.000	10.000	10.000	10.000
CLB thể thao đa môn Nguyễn Du		2.126	2.126	2.126	2.126
CLB Tao Đàn		14.394	14.394	14.394	14.394

CLB bơi lội Nguyễn Bình Khiêm	2.904	2.904	2.904	2.904
Quận 2		4.719	56.239	56.239
Trung tâm TDTT Quận 2	980	980	0	0
CLB bơi lội An Phú	3.739	3.739	3.739	3.739
Khu TDTT quận 2			30.000	30.000
CLB TDTT Thảo Điền			22.500	22.500
Quận 3	9.340	9.340	9.340	9.340
Trung tâm TDTT Hồ Xuân Hương	4.896	4.896	4.896	4.896
CLB 193/1C Nam Kỳ Khởi Nghĩa	740	740	740	740
Hồ bơi Kỳ Đồng	3.704	3.704	3.704	3.704
Quận 4	19.300	43.600	43.600	43.600
Nhà thi đấu, tập luyện Vân Đồn	10.800	10.800	10.800	10.800
Hồ bơi Vân Đồn	1.500	1.500	1.500	1.500
Sân bóng đá Khánh Hội	7.000	7.000	7.000	7.000
Khu Thể thao Khu công viên Hồ Khánh Hội		24.300	24.300	24.300
Quận 5	8.879	8.879	17.737	17.737
Trung tâm TDTT Quận (CLB Tinh Võ)	2.000	2.000	2.000	2.000
CLB bơi lội Lam Sơn	5.717	5.717	5.717	5.717
CLB thể thao Lê Hồng Phong	642	642	642	642
CLB Lệ Chí	520	520	520	520
Công trình TDTT (Trường ĐH Sư phạm TDTT)			8.858	8.858
Quận 6	27.350	27.350	27.350	27.350
Nhà thi đấu quận 6	4.500	4.500	4.500	4.500
Sân bóng đá quận 6	19.500	19.500	19.500	19.500
CLB đa môn Hương Bình	895	895	895	895
CLB bơi lội Phú Lâm	2.455	2.455	2.455	2.455
Quận 7	75.909	75.909	75.511	75.511
Trung tâm TDTT quận 7	1.448	1.448	0	0
Trung tâm TDTT quận 7 - cơ sở 2	9.012	9.012	9.012	9.012
Sân vận động quận 7	32.449	32.449	32.449	32.449
Quận 8				
Trung tâm TDTT quận 8	33.000	33.000	33.000	33.000

Hồ bơi Quận 8			1.050	1.050
Quận 9	65.242	65.242	65.242	65.242
Trung tâm TDTT quận 9	45.242	45.242	45.242	45.242
CLB bóng đá Phước Long A	10.000	10.000	10.000	10.000
Sân vận động Long Phước	10.000	10.000	10.000	10.000
Quận 10	18.918	18.918	27.613	27.613
Nhà thi đấu và tập luyện Nguyễn Tri Phương	2.505	2.505	3.200	3.200
CLB Nguyễn Tri Phương	2.516	2.516	2.516	2.516
CLB bơi lội Nguyễn Tri Phương	6.897	6.897	6.897	6.897
Sân vận động Kỳ Hòa	7.000	7.000	7.000	7.000
Sân Bi sắt (C30)			8.000	8.000
Quận 11	6.300	10.300	10.300	10.300
Nhà thi đấu Lãnh Binh Thăng	6.300	6.300	6.300	6.300
Khu TDTT phường 3, quận 11		4.000	4.000	4.000
Quận 12	24.970	24.970	77.970	77.970
Trung tâm TDTT quận 12	6.190	6.190	6.190	6.190
Sân bóng đá Cây Sộp 1 (ngoài công lập)	9.100	9.100	9.100	9.100
Sân bóng đá Cây Sộp 3 (ngoài công lập)	9.680	9.680	9.680	9.680
Nhà thi đấu quận (phường Hiệp Thành)			53.000	53.000
Quận Bình Tân	39.070	39.070	39.070	39.070
Trung tâm VH-TDTT quận Bình Tân	3.280	3.280	3.280	3.280
CLB thể thao quận Bình Tân	24.790	24.790	24.790	24.790
TT VH-TT liên phường Tân Tạo	6.000	6.000	6.000	6.000
TT VH-TT liên phường Bình Trị Đông	3.000	3.000	3.000	3.000
TT – VH-TT liên phường Bình Hưng Hòa A	2.000	2.000	2.000	2.000
Quận Bình Thạnh	70.799	70.799	70.799	70.799
Trung tâm TDTT quận Bình Thạnh	27.157	27.157	27.157	27.157
Hồ bơi Đại Đồng	3.142	3.142	3.142	3.142
CLB quần vợt Gia Định	7.500	7.500	7.500	7.500
Khu TDTT 44 đường D3 (phường 25)	29.000	29.000	29.000	29.000
CLB Li Đô (290 Nơ Trang Long, P.12)	4.000	4.000	4.000	4.000
Quận Gò Vấp	23.473	23.473	23.473	23.473

Trung tâm TDTT quận Gò Vấp	20.026	20.026	20.026	20.026
Hồ bơi quận Gò Vấp	3.447	3.447	3.447	3.447
Quận Phú Nhuận	41.705	41.705	36.276	36.276
Trung tâm TDTT quận Phú Nhuận	5.429	5.429	0	0
Nhà thi đấu và hồ bơi Rạch Miễu	17.000	17.000	17.000	17.000
CLB TDTT Chi Lăng	800	800	800	800
CLB bóng đá Phú Nhuận	16.000	16.000	16.000	16.000
CLB TDTT học đường (phường 10)	2.476	2.476	2.476	2.476
Quận Tân Bình	49.992	49.992	49.992	49.992
Trung tâm VH-TDTT quận Tân Bình	32.402	32.402	32.402	32.402
CLB bơi lội Cộng Hòa	3.000	3.000	3.000	3.000
CLB thể thao Bà Cát	10.951	10.951	10.951	10.951
CLB thể thao 2 tháng 9	2.045	2.045	2.045	2.045
CLB thể thao Lý Thường Kiệt	1.594	1.594	1.594	1.594
Quận Tân Phú	12.296	12.296	66.596	66.596
Trung tâm VH-TDTT quận Tân Phú	1.379	1.379	1.379	1.379
CLB thể thao Tây Thạnh	10.917	10.917	10.917	10.917
Khu TDTT Công viên Tân Thắng			54.300	54.300
Quận Thủ Đức	55.531	55.531	127.531	127.531
Trung tâm TDTT quận Thủ Đức	11.000	11.000	11.000	11.000
Trung tâm TDTT quận (phường Tam Phú)			72.000	72.000
Sân bóng đá Linh Xuân	10.800	10.800	10.800	10.800
Nhà VH-TT phường Bình Chiểu	7.966	7.966	7.966	7.966
Nhà VH-TT phường Hiệp Bình Phước	6.174	6.174	6.174	6.174
Nhà VH-TT phường Hiệp Bình Chánh	4.991	4.991	4.991	4.991
Nhà VH-TT phường Linh Trung	10.300	10.300	10.300	10.300
Hồ bơi nhà thiếu nhi quận	1.200	1.200	1.200	1.200
Hồ bơi quốc tế	600	600	600	600
CLB Hiệp Bình Phước	1.500	1.500	1.500	1.500
Động Đình Hồ	1.000	1.000	1.000	1.000
Huyện Bình Chánh	181.811	181.811	181.811	181.811
CLB VH-TDTT liên xã Hưng Long	10.790	10.790	10.790	10.790
CLB VH-TDTT liên xã Vĩnh Lộc A	16.283	16.283	16.283	16.283

Trung tâm VH-TDĐT huyện	31.238	31.238	31.238	31.238
CLB bơi lội Bình Chánh	10.000	10.000	10.000	10.000
Sân vận động Thành Long (ngoài công lập)	113.500	113.500	113.500	113.500
Huyện Cần Giờ	56.670	56.670	56.670	56.670
Trung tâm TDĐT huyện Cần Giờ	2.600	2.600	2.600	2.600
Sân bóng đá xã Long Hòa	10.656	10.656	10.656	10.656
Nhà VH-TT xã Tam Thôn Hiệp	10.214	10.214	10.214	10.214
Sân bóng đá xã Thạnh An	3.200	3.200	3.200	3.200
Sân bóng đá xã Lý Nhơn	30.000	30.000	30.000	30.000
Huyện Củ Chi	45.542	45.542	45.542	45.542
Sân vận động huyện Củ Chi	14.805	14.805	14.805	14.805
Hồ bơi Ấp Hậu	180	180	180	180
TT VH-TT xã Tân Thông Hội (ấp Tân Tiến)	11.000	11.000	11.000	11.000
Nhà Văn hóa xã Thái Mỹ	11.574	11.574	11.574	11.574
NVH cụm An Nhơn Tây	7.983	7.983	7.983	7.983
Huyện Hóc Môn	54.967	54.967	54.967	54.967
CLB TDĐT huyện Hóc Môn	1.136	1.136	1.136	1.136
CLB VH-TDĐT Xuân Thới Thượng	12.223	12.223	12.223	12.223
Sân bóng đá Thới Tứ	23.652	23.652	23.652	23.652
Sân bóng đá Tân Xuân	7.856	7.856	7.856	7.856
Sân bóng đá Đông Thạnh	10.100	10.100	10.100	10.100
Huyện Nhà Bè			40.000	40.000
Trung tâm TDĐT huyện Nhà Bè (ấp 1 xã Phú Xuân)			40.000	40.000

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng